

Số: /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 4 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Thực hiện Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 22/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 07 Danh mục thủ tục hành chính (Phụ lục I) mới ban hành, sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

**Điều 2.** Bãi bỏ 07 thủ tục hành chính (Phụ lục II) tại Quyết định số 593/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VNPT Ninh Bình;
- Lưu: VT, VP4, VP7, TTTH-CB.  
MT33/VP7/2024/TTHC-GT

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Tổng Quang Thìn**

**Phụ lục I****DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI, UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH***(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)***A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH****I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú	
							Toàn trình	Một phần		
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực đường thủy nội địa</b>									
1	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải 2.001219.H42	- Thời hạn Sở Giao thông vận tải gửi văn bản lấy ý kiến đến Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực: 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ. - Thời hạn Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Không	x	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ			- Trình tự thực hiện - Cách thức thực hiện - Thành phần hồ sơ - Thời hạn giải quyết - Căn cứ pháp lý	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
							Toàn trình	Một phần	
		<p>hàng hải khu vực có văn bản trả lời: 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Giao thông vận tải.</p> <p>- Thời hạn Sở Giao thông vận tải ra văn bản chấp thuận: 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Chi cục Đường thủy nội địa khu vực hoặc Cảng vụ hàng hải khu vực, hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến.</p>							

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**  
**I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
							Toàn trình	Một phần	
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực đường thủy nội địa</b>								
1	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát 2.001218.H42	05 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không có	x	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ	x		
2	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh	02 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không có	x	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ - Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ	x		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý	Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
							Toàn trình	Một phần	
	dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát 2.001217.H42								
3	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu 2.001215.H42	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không có	x	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ		x	
4	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước 2.001214.H42	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không có	x	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ		x	
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước 2.001212.H42	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không có	x	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ		x	
6	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước 2.001211.H42	02 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không có	x	- Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ		x	

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**  
**CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI, UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH**

*(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực đường thủy nội địa</b>			
1	2.001219.H42	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước	
2	2.001218.H42	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước	
3	2.001217.H42	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước	

<b>STT</b>	<b>Mã số TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính</b>	<b>Ghi chú</b>
4	2.001215.H42	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước	
5	2.001214.H42	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước	
6	2.001212.H42	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước	
7	2.001211.H42	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Nghị định số 19/2024/NĐ-CP ngày 23/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2019/NĐ-CP ngày 05/6/2019 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của phương tiện phục vụ vui chơi, giải trí dưới nước	